

Số: 01 /QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc rà soát danh sách doanh nghiệp**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 11 năm 2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2012;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê,

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1.** Tiến hành rà soát danh sách các loại hình doanh nghiệp, bao gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và hợp tác xã sản xuất kinh doanh trên phạm vi cả nước có đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 theo Phương án rà soát được ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giám đốc các doanh nghiệp thuộc các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã nêu tại Điều 1 có trách nhiệm báo cáo đầy đủ và kịp thời thông tin theo nội dung được yêu cầu.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế, Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin giúp cho việc rà soát, cập nhật thông tin về số

lượng doanh nghiệp, hợp tác xã có đến thời điểm rà soát, đồng thời cùng thống nhất với cơ quan Thống kê về kết quả rà soát doanh nghiệp này.

**Điều 4.** Thành lập Tổ thường trực chỉ đạo rà soát doanh nghiệp cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

**1. Cấp Trung ương:**

a) Thành phần Tổ thường trực chỉ đạo rà soát doanh nghiệp cấp Trung ương gồm:

- Ông Nguyễn Bích Lâm - Phó Tổng cục trưởng, Tổng cục Thống kê - Tổ trưởng;

- Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp, Tổng cục Thống kê - Tổ phó;

- Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ thống kê và Công nghệ thông tin, Tổng cục Thống kê - thành viên;

- Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại, Dịch vụ, Tổng cục Thống kê - thành viên;

- Vụ trưởng Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê - thành viên;

- Giám đốc Trung tâm tin học thống kê khu vực I, Tổng cục Thống kê - thành viên;

- Đại diện lãnh đạo Cục Quản lý Đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư - thành viên;

- Đại diện lãnh đạo Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư - thành viên;

- Đại diện lãnh đạo Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư - thành viên;

- Đại diện lãnh đạo Vụ Hợp tác xã, Bộ KHĐT - thành viên;

- Đại diện Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính - thành viên.

b) Tổ thường trực chỉ đạo rà soát doanh nghiệp cấp Trung ương có nhiệm vụ giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê chỉ đạo triển khai thực hiện việc rà soát doanh nghiệp theo Phương án được ban hành kèm theo Quyết định này. Tổ thường trực chỉ đạo rà soát doanh nghiệp cấp Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc rà soát và thẩm định danh sách doanh nghiệp trên phạm vi cả nước và các địa phương.

**2. Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:**

a) Thành phần Tổ thường trực chỉ đạo, rà soát doanh nghiệp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm:

- Cục trưởng Cục Thống kê - Tổ trưởng;

- Đại diện lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, lãnh đạo Cục Thuế.

b) Tổ thường trực chỉ đạo, rà soát doanh nghiệp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, triển khai việc rà soát doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Phương án được ban hành kèm theo Quyết định này và hướng dẫn của Tổ thường trực chỉ đạo, rà soát doanh nghiệp cấp Trung ương.

**Điều 5.** Tổ thường trực chỉ đạo rà soát doanh nghiệp cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Tổ trưởng Tổ thường trực chỉ đạo, rà soát doanh nghiệp cấp Trung ương, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 4 và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *St*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để phối hợp chỉ đạo);
- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thuế (để phối hợp chỉ đạo);
- Cục Thống kê 63 tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KHĐT, Cục Thuế 63 tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TCTK (5 bản).

T.275



**PHƯƠNG ÁN**  
**RÀ SOÁT DANH SÁCH DOANH NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-BKHĐT ngày 03 tháng 01 năm 2012  
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**I. MỤC ĐÍCH RÀ SOÁT DANH SÁCH DOANH NGHIỆP**

- Thống kê đầy đủ số lượng doanh nghiệp hiện có theo tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn từng tỉnh, thành phố và toàn quốc, phục vụ cho công tác quản lý, hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, phát triển doanh nghiệp của quốc gia, từng địa phương, các nhà đầu tư và các doanh nghiệp;

- Lập danh sách đầy đủ doanh nghiệp phục vụ cho việc thu thập thông tin của các loại hình doanh nghiệp phục vụ Tổng điều tra các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp theo Quyết định số 1271/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

**II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ NỘI DUNG RÀ SOÁT DANH SÁCH DOANH NGHIỆP**

**A. Đối tượng, phạm vi và đơn vị rà soát doanh nghiệp**

Là các doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập được thành lập, chịu sự điều tiết bởi Luật Doanh nghiệp 2005; hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã và các doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập được thành lập, chịu sự điều tiết bởi các Luật chuyên ngành như Luật Bảo hiểm, Luật Chứng khoán, Luật Luật sư...đã/chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh trước ngày 31/12/2011. Riêng các doanh nghiệp thuộc Bộ Công An, Bộ Quốc phòng quản lý sẽ được triển khai rà soát theo kế hoạch riêng trong Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2012.

Cụ thể, gồm:

**1. Doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập thực tế đang hoạt động**

• **Đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước, gồm:**

- Doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước do trung ương và do địa phương quản lý hoạt động theo loại hình công ty TNHH có một hoặc nhiều thành viên;

- Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn nhà nước chiếm giữ lớn hơn 50%.

• **Đối với khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, gồm:**

- Hợp tác xã;

- Doanh nghiệp tư nhân;

- Công ty hợp danh;

- Công ty TNHH tư nhân (kể cả công ty TNHH có vốn nhà nước chiếm giữ nhỏ hơn hoặc bằng 50%);

- Công ty cổ phần không có vốn nhà nước;

- Công ty cổ phần có vốn nhà nước chiếm giữ nhỏ hơn hoặc bằng 50%.

• **Đối với khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, gồm:**

- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài;

- Doanh nghiệp nhà nước liên doanh với nước ngoài;

- Doanh nghiệp khác liên doanh với nước ngoài.

**2. Doanh nghiệp đã đăng ký nhưng chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh,** gồm các doanh nghiệp thực tế đã đăng ký kinh doanh đến thời điểm 31/12/2011 nhưng thực tế chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh vì các lý do như: đang trong quá trình xây dựng, lắp đặt dây chuyền sản xuất, tuyển dụng lao động,...

**3. Doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất kinh doanh,** gồm các doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất kinh doanh ít nhất từ 1 năm trở lên tại thời điểm 31/12/2011 vì các lý do như: đại tu máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, chờ chuyển đổi loại hình SXKD, cổ phần hóa,...

*Lưu ý:* danh sách các doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất kinh doanh trong mục này không bao gồm các doanh nghiệp chỉ tạm ngừng SXKD dưới 1 năm, sau đó tiếp tục hoạt động SXKD trở lại (loại doanh nghiệp này qui ước xếp vào mục 2 doanh nghiệp thực tế đang hoạt động).

**4. Doanh nghiệp không tìm thấy hoặc không xác minh được,** gồm các doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh hoặc cấp mã số thuế nhưng thực chất không tham gia kinh doanh trong một thời gian dài vì các lý do khác nhau không thể xác minh được.

**5. Doanh nghiệp thuộc đối tượng khác**, gồm các doanh nghiệp không thuộc các đối tượng kể trên, như các doanh nghiệp đã giải thể, chuyển đi tỉnh, thành phố khác, doanh nghiệp chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp xuống hộ cá thể,...

## **B. Nội dung rà soát danh sách doanh nghiệp**

Nội dung rà soát danh sách doanh nghiệp gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ, điện thoại, loại hình doanh nghiệp, mã số thuế, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, ngành sản xuất kinh doanh chính (*là ngành tạo ra giá trị sản xuất kinh doanh lớn nhất. Nếu không xác định được theo giá trị sản xuất thì căn cứ vào ngành sử dụng nhiều lao động nhất*).

## **III. CÁC BẢNG DANH MỤC ÁP DỤNG TRONG LẬP VÀ RÀ SOÁT DANH SÁCH DOANH NGHIỆP**

**1. Bảng phân ngành kinh tế:** Áp dụng bảng hệ thống phân ngành kinh tế Việt Nam 2007 (chi phân loại theo ngành cấp I).

**2. Bảng danh mục loại hình doanh nghiệp:** Gồm 03 loại hình doanh nghiệp như sau:

### **- Doanh nghiệp nhà nước: mã số 1**

Gồm: (1) DNNN trung ương; (2) DNNN địa phương; (3) Cty TNHH nhà nước trung ương; (4) Cty TNHH nhà nước địa phương; (5) Cty cổ phần có vốn nhà nước trên 50%.

### **- Doanh nghiệp ngoài nhà nước: mã số 2**

Gồm: (6) Hợp tác xã; (7) DN tư nhân; (8) Cty hợp danh; (9) Cty TNHH tư nhân, Cty TNHH có vốn nhà nước  $\leq 50\%$ ; (10) Cty cổ phần không có vốn nhà nước; (11) Cty cổ phần có vốn nhà nước  $\leq 50\%$

### **- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: mã số 3**

Gồm: (12) DN 100% vốn nước ngoài; (13) DN nhà nước liên doanh với nước ngoài; (14) DN khác liên doanh với nước ngoài.

**3. Bảng danh mục các đơn vị hành chính:** áp dụng bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam 2007, ban hành theo Quyết định số: 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi đã cập nhật đến thời điểm 31/12/2011: gồm 10 chữ số; trong đó: 2 chữ số đầu tiên là mã tỉnh, TP; 3 chữ số tiếp theo là mã huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh) và 5 chữ số tiếp theo là mã xã/phường/thị trấn.

## **IV. NGUỒN THÔNG TIN VÀ PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT DANH SÁCH DOANH NGHIỆP**

### **1. Nguồn thông tin, gồm:**

- Danh sách các doanh nghiệp đã thu được phiếu số 1A và các doanh nghiệp trong danh mục các doanh nghiệp lập danh sách hiện có đến thời điểm 31/12/2010 trong cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2011 (*có tại Cục Thống kê tỉnh, thành phố*).

- Danh sách các doanh nghiệp được cơ quan thuế cấp mã số thuế trong năm 2011 (*do Tổng cục Thống kê gửi về các Cục Thống kê tỉnh, thành phố*).

- Danh sách các doanh nghiệp mới đăng ký thành lập năm 2011 (*do Tổng cục Thống kê gửi về Cục Thống kê tỉnh, thành phố*).

- Cơ sở dữ liệu về các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp đã được đăng ký kinh doanh do Bộ Kế hoạch - Đầu tư, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố, các Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp giấy phép và quản lý.

- Cơ sở dữ liệu quản lý thuế đối với các doanh nghiệp/cơ sở do Cục Thuế tỉnh, thành phố cấp mã số thuế và quản lý.

- Danh sách các doanh nghiệp thuộc đối tượng và phạm vi rà soát có được từ Cục Đăng ký kinh doanh, Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và các nguồn thông tin khác.

### **2. Phương pháp rà soát danh sách doanh nghiệp**

- Thống nhất phạm vi rà soát doanh nghiệp: Là các doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập.

- Biểu mẫu thu thập thông tin phục vụ cho việc rà soát danh sách doanh nghiệp: Gồm các thông tin cơ bản trong biểu mẫu kèm theo.

- Tiến hành rà soát:

+ Cục Thống kê các tỉnh, thành phố có trách nhiệm cung cấp danh sách và một số chỉ tiêu định danh của các doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập thực tế đang hoạt động đến 31/12/2011.

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố có trách nhiệm cung cấp danh sách và một số chỉ tiêu định danh các doanh nghiệp đã được cấp đăng ký kinh doanh có đến thời điểm 31/12/2011.

+ Cục Thuế các tỉnh, thành phố có trách nhiệm cung cấp danh sách và một số chỉ tiêu định danh của các doanh nghiệp đã được cấp và còn mã số thuế có đến thời điểm 31/12/2011.

Căn cứ vào nguồn thông tin chủ yếu do 3 cơ quan quản lý doanh nghiệp đã nêu trên, Cục Thống kê là cơ quan đầu mối và chủ trì, cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tiến hành rà soát danh sách doanh nghiệp với các thông tin cơ bản về số lượng, tên, địa chỉ, loại hình, ngành SXKD, tình trạng hoạt động; bao gồm các công việc sau:

+ Thống nhất danh sách các doanh nghiệp do 3 cơ quan quản lý có danh mục giống nhau.

+ Đối với các doanh nghiệp do 3 cơ quan quản lý còn có sự khác biệt, Tổ thường trực chỉ đạo rà soát và phân công điều tra viên xác minh thực tế bằng một trong các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương như: trực tiếp đến doanh nghiệp, gọi điện thoại, email,...sau đó 3 cơ quan phải thống nhất 1 danh sách doanh nghiệp.

## V. KẾ HOẠCH TIỀN HÀNH RÀ SOÁT DANH SÁCH DOANH NGHIỆP

**Bước 1. Chuẩn bị phương án:** Thời gian thực hiện từ ngày 10 đến 30/12/2011, gồm các công việc:

- a. Ra Quyết định tổ chức rà soát;
- b. Xây dựng phương án rà soát;
- c. Gửi Quyết định và phương án rà soát danh sách doanh nghiệp tới các tỉnh, thành phố để triển khai thực hiện.

**Bước 2. Chuẩn bị và triển khai rà soát danh sách doanh nghiệp tại địa phương:** Thời gian thực hiện từ 1/1/2012 đến 15/2/2012, gồm các công việc:

- a. Thành lập Tổ thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp tại tỉnh, thành phố;
- b. Các tỉnh, thành phố tiến hành tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên và hướng dẫn nghiệp vụ, triển khai hoạt động lập và rà soát danh sách doanh nghiệp theo qui định của phương án rà soát.

**Bước 3. Nhập tin, tổng hợp báo cáo:** thời gian thực hiện từ 15/2/2012 đến 28/2/2012, gồm các công việc:

- a. Nhập tin danh sách doanh nghiệp theo các loại hình. Chương trình nhập tin danh sách doanh nghiệp do Tổng cục Thống kê thiết kế và gửi các tỉnh, thành phố thống nhất thực hiện. Riêng danh sách các doanh nghiệp đã



điều tra năm 2011, Tổng cục Thống kê sẽ có hướng dẫn cụ thể để các tỉnh, thành phố kết xuất từ cơ sở dữ liệu doanh nghiệp điều tra năm 2011;

b. Thẩm định và nghiệm thu danh sách doanh nghiệp: Do Tổ thường trực chỉ đạo rà soát doanh nghiệp cấp tỉnh, thành phố thực hiện;

c. Lập báo cáo và cơ sở dữ liệu danh sách doanh nghiệp, gồm:

- Báo cáo số lượng doanh nghiệp có tại thời điểm 31/12/2011 trên địa bàn tỉnh, thành phố theo mẫu Biểu 02-RSDS gửi kèm theo phương án.

- Cơ sở dữ liệu danh sách doanh nghiệp đã hoàn thành rà soát: theo mẫu Biểu 01-RSDS gửi kèm theo phương án.

**Bước 4. Gửi báo cáo và truyền tin cơ sở dữ liệu danh sách doanh nghiệp:** Thời gian thực hiện trước ngày 15/3/2012, gồm:

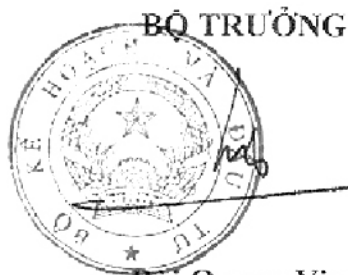
- Truyền tin về Tổng cục Thống kê: Báo cáo số lượng doanh nghiệp có tại thời điểm 31/12/2011 trên địa bàn tỉnh, thành phố (Biểu 02-RSDS) và cơ sở dữ liệu danh sách doanh nghiệp đã hoàn thành rà soát (Biểu 01-RSDS)

- Riêng Báo cáo số lượng doanh nghiệp có tại thời điểm 31/12/2011 trên địa bàn tỉnh, thành phố (Biểu 02-RSDS) gửi về Tổng cục Thống kê và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố bằng văn bản có chữ ký và đóng dấu xác nhận của cơ quan Cục Thống kê, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, thành phố.

## VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng cục Thống kê cấp kinh phí để bảo đảm yêu cầu thu thập thông tin rà soát danh sách doanh nghiệp. Kinh phí thực hiện do Tổng cục Thống kê phân bổ theo kế hoạch kinh phí của năm 2012.

Tổ trưởng Tổ thường trực chỉ đạo rà soát Trung ương và Tổ trưởng Tổ thường trực chỉ đạo rà soát cấp tỉnh, thành phố, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê có trách nhiệm đảm bảo kinh phí và tổ chức triển khai thực hiện tốt cuộc rà soát danh sách doanh nghiệp theo phương án quy định. / ~~002~~



Tỉnh, TP: .....

**Kính gửi: Vụ Thống kê Công nghiệp, Tổng cục Thống kê**

**1. BÁO CÁO SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP ĐÃ ĐƯỢC RÀ SOÁT  
THỜI ĐIỂM 31/12/2011 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, TP**

	Mã ngành kinh tế (VSIC) cấp I	Tổng số doanh nghiệp thuộc các loại hình	1. Số doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập thực tế đang hoạt động	2. Số doanh nghiệp đã đăng ký nhưng chưa đi vào hoạt động	3. Số doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất kinh doanh	4. Số doanh nghiệp không tìm thấy hoặc không xác minh được	5. Số doanh nghiệp thuộc đối tượng khác
A	B	1 = 3+4+5+6+7	2	3	4	5	6
<b>TỔNG SỐ</b>							
<b>Chia theo loại hình DN:</b>							
1. DN nhà nước							
2. DN ngoài QĐ							
3. DN có vốn ĐTNN							
<b>Chia theo ngành KT (cấp I)</b>							
NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN	A						
KHAI KHOÁNG	B						
CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO	C						
SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐÓT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ	D						
CUNG CẤP NƯỚC; HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI	E						
XÂY DỰNG	F						
BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CỐ ĐỊNH CƠ KHÁC	G						
VẬN TẢI KHO BÃI	H						
DỊCH VỤ LƯU TRỮ VÀ ĂN UỐNG	I						
THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	J						
HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG VÀ BẢO HIỂM	K						

	Mã ngành kinh tế (VSIC 2007) cấp 1	Tổng số doanh nghiệp thuộc các loại hình	1. Số doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập thực tế đang hoạt động	2. Số doanh nghiệp đã đăng ký nhưng chưa đi vào hoạt động	3. Số doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất kinh doanh	4. Số doanh nghiệp không tìm thấy hoặc không xác minh được	5. Số doanh nghiệp thuộc đối tượng khác
A	B	1 = 3+4+5+6+7	2	3	4	5	6
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	L						
HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	M						
HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ	N						
HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, AN NINH QUỐC PHÒNG VÀ BẢO ĐẢM XÃ HỘI BẮT BUỘC	O						
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	P						
Y TẾ VÀ HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI	Q						
NGHỆ THUẬT, VUI CHƠI VÀ GIẢI TRÍ	R						
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KHÁC	S						
HOẠT ĐỘNG LÀM THUÊ CÁC CÔNG VIỆC TRONG CÁC HỘ GIA ĐÌNH, SẢN XUẤT SẢN PHẨM VẬT CHẤT VÀ DỊCH VỤ TỰ TIÊU DÙNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH	T						
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC VÀ CƠ QUAN QUỐC TẾ	U						

2. Số doanh nghiệp thực tế tồn tại tính đến thời điểm 31/12/2011 chia theo các tình trạng hoạt động:

	Tổng số DN	Chia ra:		
		DN Nhà nước	DN ngoài NN	DN FDI
<b>Tổng số</b>				
<b>Chia ra:</b>				
1. DN thực tế đang hoạt động				
2. DN đã đăng ký nhưng chưa hoạt động				
3. DN tạm ngừng sản xuất				
4. DN không tìm thấy				
5. DN thuộc đối tượng khác				

Ngày tháng năm 2012

GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
(Ký tên, đóng dấu)

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ  
(Ký tên, đóng dấu)

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ  
(Ký tên, đóng dấu)